

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: B/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+VSP02+RC4	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+1	0+0+0	chuyen 2 vsp01-vsp02
2		BK16+GTC1+P6	7:25	1+1+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 bk16- gtc1
3		TD3+TTC2+VSP01	7:25	10+5+5	0+0+0		3+9+9	0+0+0	
4		BK21+PVD1+CTK3	9:25	3+1+18	0+0+0		3+0+12	0+0+0	
5		AMD+TGT4+TGT5	9:25	17+3+2	0+0+0		16+3+2	0+0+0	
6		P8+P10+8K15	9:25	7+14+1	0+0+0		4+17+1	0+0+0	
7		TUNG	11:15	19	0		16	0	
8		TGT1+HST+HSD	11:15	1+1+1	0+0+0		3+8+4	0+0+0	
9		RCDM+RP1+P8	11:25	1+2+17	0+0+0		0+0+20	0+0+0	
10		CLO+P6+TD1	11:25	5+4+8	0+0+0		5+5+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2022	TO: BK16 - GTC1 - P6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - TSON	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	04	1	6	20	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGHĨA TIN	GTC1	26	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN QUY	P6	91	1	5	20	66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BẠC	P6	90	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	22	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	82	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN CÚ	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	94-95	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	52	1	16		86	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	92	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI M.KHANH CƯỜNG	P6	88-89	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN TIẾN	P6	84	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	86	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ VĂN SANG	P6	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	P6	93	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HUY THÔNG	P6	56	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THIN	P6	21	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG	P6	53-54	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG THAI SƠN	P6	83	1	9		87	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	P6	87	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRỊNH VĂN KIỂM	P6	81	1	8		56	GETRACO	Vietnamese
22	TRẦN VĂN VIỆT	P6	51	1	4		68	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	1	1	6	80	20	0	0	CHUYỂN 1 KHÁCH TỪ BK16 SANG GTC1
2	GTC1	1	1	10	80	0	0	0	
3	P6	20	22	159	1.395	20	22		
TOTAL		22	24	175	1.555	40	22		
WEIGHT KG				175	1.555	40			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: TD3 - TTC2 - VSP01	CREW: LTuấn - Nam - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN KHOA	TD3	25	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	27-28	2	9		76	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	29	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ SỸ HÙNG	TD3	26	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ XUÂN HƯƠNG	TD3	37	1	10		58	SHINTRAC	Vietnamese
6	TRẦN ANH DUNG	TD3	36	1	6		76	SHINTRAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN TRƯỞNG	TD3	35	1	6		52	SHINTRAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CAO	TD3	32	1	14		68	CODIEN	Vietnamese
9	TRỊNH NGỌC TỰ	TD3	30-31	2	13		73	CODIEN	Vietnamese
10	ĐỖ DUY TIẾN	TD3	33-34	2	20		85	CODIEN	Vietnamese
11	HOANG QUỐC BẢO	TTC2				35	63	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN THỰC	TTC2	22	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN MINH	TTC2	21	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	23-24	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	27	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	14	1	7	20	63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	15	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	12-13	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ QUANG THANH	VSP01	11	1	7		69	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KHAN	VSP01	17	1	5		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	13	92	701	0	4		
2	TTC2	5	5	24	338	35	9		
3	VSP01	5	6	36	333	20	9		
TOTAL		20	24	152	1.372	55	22		
WEIGHT KG				152	1.372	55			

GRAND TOAL: 1.579 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: BK21 - PVD1 - CTK3	CREW: Dương - VThắng - Vũ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BẠCH ANH TUÂN	BK21	63	1	10	20	65	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG XUÂN THAI	BK21	23-25	3	18		73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG ĐIỀN	BK21	26	1	7		68	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG MẠO	PVD1	54	1	18		87	BAKER HU	Vietnamese
5	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	43	1	5	50	73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUÂN	CTK3	41	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ XUÂN CHÍNH	CTK3	48	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN DŨNG	CTK3	47	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC PHONG	CTK3	59	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHÚC	CTK3	57-58	2	18	25	61	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CHIẾN	CTK3	51	1	10	15	73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KHANH	CTK3	55-56	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BĂNG	CTK3	46	1	18		72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC ĐOAI	CTK3	54	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	CTK3	53	1	19		56	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG THANH HOÀNG	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	45	1	6		63	PSV	Vietnamese
18	VŨ NGỌC NAM	CTK3	42	1	8		78	PSV	Vietnamese
19	PHẠM ĐỨC CĂN	CTK3	44	1	4		55	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	50	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	TÔ CÔNG MINH	CTK3	49	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	3	5	35	206	20	3		
2	PVD1	1	1	18	87	0	0		
3	CTK3	17	18	176	1.165	90	12		
TOTAL		21	24	229	1.458	110	15		
WEIGHT KG				229	1.458	110			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2022	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LTuấn - Nam - MQUÂN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN AN	AMD	34	1	5	70	61	KH-THAC	Vietnamese
2	LA THANH	AMD	48	1	8	45	81	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	29	1	8	40	71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	38-40	3	14		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	35	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRẦN LIÊM	AMD	43	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HIỆU THAO	AMD	49	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	41-42	2	7		84	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	27-28	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH HUNG	AMD	24-25	2	20		59	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	46-47	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	26	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	45	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	36-37	2	14		69	HLJOC	Vietnamese
16	LÊ VINH QUANG	TGTH4	17-18	2	9	20	67	KH-THAC	Vietnamese
17	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	19-20	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO SY DUC	TGTH4	16	1	14		85	HLJOC	Vietnamese
19	VŨ XUÂN ĐỨC	TGTH5	06-07	2	15	20	70	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VĂN HƯƠNG	TGTH5	04-05	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	22	128	1.034	155	15		THAO 1 GHE DOI=2 CHO DE CHO HANG
2	TGTH4	3	5	38	218	20	3		
3	TGTH5	2	4	25	142	20	2		
TOTAL		20	31	191	1.394	195	20		
WEIGHT KG				191	1.394	195			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: P8 - P10 - BK15	CREW: ĐỨC - VTHU - TSON	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P8	20	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ HỮU THĂNG	P8	25	1	8		70	CHI CỤC 9	Vietnamese
3	HUYNH CHÁNH PHÁT	P8	23	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG VĂN QUYẾT	P8	24	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÙNG HÀ TÀI	P8	22	1	11		105	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	21	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN TÂN	P8	19	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CUONG	P10	85	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THĂNG	P10	79	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ BAO TRUNG	P10	86	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THAO	P10	87	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	89-90	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	78	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	81	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	91	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HAI HÀ	P10	83-84	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	77	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC ANH	P10	92	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	80	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	82	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	88	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LƯU TIẾN THÀNH	BK15	23	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

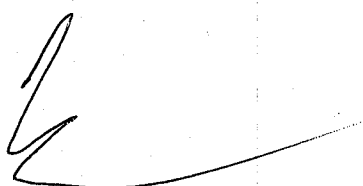
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	7	7	44	510	0	4		
2	P10	14	16	97	1.003	0	17		
3	BK15	1	1	7	75	0	1		
TOTAL		22	24	148	1.588	0	22		
WEIGHT KG				148	1.588	0			

GRAND TOTAL: 1.736 KGS

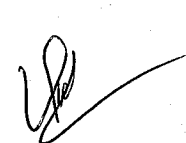
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:00
FLIGHT: 07	TO: T.UNG	CREW: KIÊN - ĐTrung	ETA: 14:10
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HÙNG	T.UNG	56	1	5	40	74	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HIẾU	T.UNG	55	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	53	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	49-50	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	51	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	46	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TUYẾN	T.UNG	45	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	47	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG	54	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THAI SƠN	T.UNG	61-62	2	15		57	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HIỆP THÀNH	T.UNG	59	1	10		83	CODIEN	Vietnamese
12	CAO XUÂN DŨNG	T.UNG	63-64	2	13		65	CODIEN	Vietnamese
13	ĐỖ MINH HỘI	T.UNG	57	1	7		70	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ ĐẶNG THANH	T.UNG	52	1	7		66	PSV	Vietnamese
15	LÊ VIỆT KHANG	T.UNG	48	1	5		69	PSV	Vietnamese
16	HOANG VĂN CÔNG	T.UNG	58	1	7		59	PSV	Vietnamese
17	TÔNG XUÂN LÂM	T.UNG	66	1	7		60	PVGAS	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG KHANH	T.UNG	67	1	6	35	67	PVGAS	Vietnamese
19	BUI VĂN TUẤN	T.UNG	65	1	9		76	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	22	140	1.304	75	15		
TOTAL		19	22	140	1.304	75	15		
WEIGHT KG				140	1.304	75			

GRAND TOAL: 1.519 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2022	TO: RCDM - RP1 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Dương - VThắng - Vũ	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RCDM	01	1	13	40	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NG VAN BAO TRUNG	RP1	68	1	7	20	65	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI NGOC LONG	RP1	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGOC TIEN	P8	28	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	HO CHÊ LINH	P8	38	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LỢI	P8	33	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	35	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG HIÊN	P8	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG TIEN	P8	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH HOANG	P8	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TRUNG	P8	31	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	37	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	34	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ANH ĐỨC	P8	39	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG TRUNG HẬU	P8	27	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH VINH	P8	30	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH NAM	P8	26	1	13		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

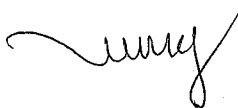
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	1	1	13	75	40	0		
2	RP1	2	2	12	140	20	0		
3	P8	15	15	91	1.049	0	16		
TOTAL		18	18	116	1.264	60	16		
WEIGHT KG				116	1.264	60			

GRAND TOAL: 1.440 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:20
FLIGHT: 08	TO: TGTH1 - HST - HSD	CREW: Thanh - ATUÂN	ETA: 13:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRUNG	TGTH1	300	1	10	30	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG THO	HST	20-21	2	10		66	TLJOC	Vietnamese
3	TRINH BICH NGOC	HSD	73-74	2	11		69	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	1	1	10	73	30	3		
2	HST	1	2	10	66	0	8		
3	HSD	1	2	11	69	0	4		
TOTAL		3	5	31	208	30	15		
WEIGHT KG				31	208	30			

GRAND TOAL: 269 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	TO: CLO - P6 - TD1	CREW: CHIẾN - TTrung - QTrưởng	ETA: 13:35
cam - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU HẬU	CLO	71	1	4	40	81	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ THANH ĐỒ	CLO	72	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	CLO	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG LONG HAI	CLO	73-74	2	12		87	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỒNG VĂN CƯỜNG	CLO	69	1	7		58	GETRACO	Vietnamese
6	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	P6	57	1	7		50	GETRACO	Vietnamese
7	VŨ VIỆT SƠN	P6	98	1	5		62	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P6	97	1	7		81	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỎ HOÀN	P6	99,900	2	14		67	YTE	Vietnamese
10	BUI QUANG TUYNH	TD1	10	1	7	20	56	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TUẤN ANH	TD1	43	1	7	20	68	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG PHÁT	TD1	13	1	12	8	76	KH-THAC	Vietnamese
13	LŨ SƠN	TD1	41-42	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
14	LÀ QUÝ DANH	TD1	11	1	6		68	DVL	Vietnamese
15	LƯƠNG NGỌC HOANG	TD1	07	1	6		76	DVL	Vietnamese
16	BUI BẠCH DƯƠNG	TD1	12	1	14	41	78	DVL	Vietnamese
17	TRẦN CAO MÔNG	TD1	08-09	2	7		56	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	6	34	348	40	5		
2	P6	4	5	33	260	0	5		
3	TD1	8	10	70	552	89	12		
TOTAL		17	21	137	1.160	129	22		
WEIGHT KG				137	1.160	129			

GRAND TOAL: 1.426 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+PPD	11:00	5+0	0+0		0+1	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2022	TO: RP3 - PPD	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:00
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: NKhánh - Tường	ETA: 13:00
HONG			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	RP3	18	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH KHA	RP3	19-20	2	10		67	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NAM HOANG	RP3	23	1	9	23	57	CODIEN	Vietnamese
4	ĐÀO DUY ĐIỆP	RP3	22	1	12		82	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ TRỌNG TUYẾN	RP3	21	1	10	27	60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	6	53	336	50	0		
2	PPD	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		5	6	53	336	50	8		
WEIGHT KG				53	336	50			

GRAND TOAL: 439 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN